

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ V
TỈNH N
Bản án số: 183 /2018/HSST
Ngày: 25/05/2018

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ V, TỈNH N

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà: Lê Thị H

Các Hội thẩm nhân dân: ông Bùi Anh Ph, bà Trần Thị Như H

Thư ký ghi biên bản phiên toà: bà Nguyễn Thị Th Thư ký Toà án nhân dân thành phố V, tỉnh N.

Đại diện VKSND thành phố V tham gia phiên toà: bà Nguyễn Thị Bích Yên - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 05 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh N xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 431/2017/HSST ngày 20 tháng 11 năm 2017 đối với các bị cáo:

1. *Họ và tên:* Thái Doãn H Đ; *Sinh ngày:* 23/12/2000;
Nơi ĐKNKTT: khối 3, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh N.
Nghề nghiệp: Lao động tự do; *Trình độ văn hoá:* 10/12;
Con ông: Thái Doãn S, *sinh năm* 1974;
Con bà: Nguyễn Thị V, *sinh năm:* 1974;
Anh chị em ruột: bị cáo là con duy nhất
Vợ con: chưa có.
Tiền sự, tiền án: Không.

Nhân thân: Ngày 28/9/2017 bị Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh N xử phạt 04 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”

Ngày 28/9/2017 bị Tòa án nhân dân huyện Đ xử phạt 07 tháng tù về tội “trộm cắp tài sản”.

Bị cáo đang chấp hành hình phạt tại trại giam số 06, Bộ công an từ ngày 13/4/2018 đến nay (có mặt).

2. *Họ và tên:* Nguyễn Lê N ; *Sinh năm:* 30/4/2000;
Nơi ĐKNKTT: xóm 5A, xã S, huyện Đ, tỉnh N.
Nghề nghiệp: Lao động tự do; *Trình độ văn hoá:* 6/12;
Dân tộc: Kinh; *Tôn giáo:* Không; *Quốc tịch:* Việt N.
Con ông: Nguyễn Lê L, *sinh năm* 1970;
Con bà: Nguyễn Thị H, *sinh năm:* 1978;
Vợ con: chưa có.
Tiền sự, tiền án: Không.

Bị cáo được tại ngoại tại địa phương, áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. (có mặt).

Người đại diện hợp pháp cho bị cáo Đ:

Bà: Nguyễn Thị V, sinh năm: 1974

Trú tại: khối 3, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh N - có mặt.

Người đại diện hợp pháp cho bị cáo N:

Bà: Nguyễn Thị H, sinh năm: 1978

Trú tại: xóm 5A, xã S, huyện Đ, tỉnh N - có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Đ và N: Ông: Lê Đăng T, Luật sư thuộc đoàn luật sư tỉnh N, Cộng tác viên trợ giúp pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh N.

Người bị hại: Anh: Trương Huy Đ - Sinh năm: 1991 (vắng mặt)

Trú tại: khối 3, phường Đ, thành phố V, tỉnh N.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Anh: Phạm Trọng Th, tên gọi khác: Tiên. sinh ngày 24/3/2002.

Trú tại: khối 9, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh N (Vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp cho Th là bà: Thái Thị H, sinh năm: 1979

Nơi ĐKKHTT: khối 9, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh N.

Chỗ ở: xóm Yên Hòa, xã Y, huyện Đ, tỉnh N (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 18 giờ 30 ngày 12/8/2017, Phạm Trọng Th và Thái Doãn H Đ cùng đi đến ki ốt cầm đồ số 75 đường B L, thành phố V để gặp Nguyễn Lê N (là nơi N làm thuê). Sau khi gặp N, Th và H Đ đi sang cửa hàng bán quần áo “Bom Kyo” của anh Trương Huy Đ để xem và thử đồ quần áo. Một lúc sau, Th và H Đ quay về gặp N, bàn bạc vào buổi tối sẽ đi vào ki ốt “Bom Kyo” lấy trộm tài sản. Đến khoảng 23 giờ 30 phút ngày 12/8/2017, Th, Đ cùng đến ki ốt 75, đường Bạch Liêu gặp N và chờ lúc vắng người sẽ sang ki ốt “Bom kyo” lấy trộm tài sản. Khoảng 00h 30’ ngày 13/8/2017, Th trèo lên mái ki ốt “Bom kyo” dùng một con dao thái lan cạy mái tôn, đột nhập vào trong lấy trộm tài sản. N và H Đ đứng canh giới cho Th. Được một lúc, do có người qua lại, sợ bị lộ nên vào ốt N làm việc ngồi nên ngủ quên. Đến khoảng 01 giờ cùng ngày, Th vào ốt gọi N và H Đ dậy và nói “đồ tau lấy được rồi, dù kiểm cây chi để lấy đồ xuống”. Sau đó, H Đ lấy một cái thang trong ốt N làm việc, rồi N và H Đ giữ thang cho Th trèo lên lấy đồ xuống gồm 01 bì xác rắn bên trong có 15 chiếc quần bò N, 10 chiếc áo phong cộc tay N, 02 mũ lưỡi trai, 02 chiếc quần đùi N, 01 bao ni lông đen đựng 05 đôi dép lê N, 07 chiếc thắt lưng N, 01 chiếc máy laptop nhãn hiệu HP và số tiền 1.700.000 đồng. Sau khi lấy trộm được tài sản, Nguyễn Lê N được chia 02 chiếc quần bò N, 03 chiếc áo phong cộc tay N, 01 chiếc thắt lưng N, 01 chiếc mũ lưỡi trai, và số tiền 110.000 đồng. Thái Doãn H Đ được chia 02 chiếc quần bò N, 03 chiếc áo phong cộc tay N, 03 chiếc thắt lưng N, 01 đôi dép lê N và số tiền 110.000 đồng. Số tài sản còn lại, Phạm Trọng Th đưa về huyện Đ bán lấy tiền tiêu xài. Đến ngày 15/8/2017, Nguyễn Lê N đến cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố V đầu thú và giao nộp tài sản. Ngày 21/8/2017, Thái

Doãn H Đ và Phạm Trọng Th đến cơ quan cảnh sát điều tra công an thành phố V đầu thú và giao nộp tài sản đã lấy trộm.

Tại bản kết luận định giá số 107/KL-ĐGTS ngày 25/8/2017 của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự UBND thành phố V kết luận: “01 chiếc máy laptop nhãn hiệu HP màu nâu xám đã qua sử dụng có giá trị 3.500.000 đồng, 15 chiếc quần bò N dài ống chưa qua sử dụng có trị giá 4.200.000 đồng. 05 đôi dép lê N chưa sử dụng trị giá 1.000.000 đồng; 02 mũ lưỡi trai N chưa sử dụng có trị giá 200.000 đồng; 07 thắt lưng da N màu đen chưa sử dụng có trị giá 700.000 đồng; 10 áo phông N chưa sử dụng có trị giá 2.000.000 đồng; 02 quần đùi N chưa sử dụng có trị giá 200.000 đồng. Tổng trị giá tài sản định giá là 11.800.000 đồng”.

Về dân sự: Cơ quan điều tra đã thu hồi được 01 laptop nhãn hiệu HP màu nâu xám; 13 chiếc quần bò N dài ống chưa sử dụng; 01 đôi dép lê N chưa sử dụng; 02 thắt lưng da N màu đen chưa sử dụng; 05 áo phông N chưa sử dụng; 01 quần đùi N chưa sử dụng; số tiền 920.000 đồng đã trả lại cho chủ sở hữu anh Trương Huy Đ.

Còn lại 02 chiếc quần bò N dài ống chưa sử dụng; 04 đôi dép Lê N chưa sử dụng; 05 áo phông N chưa sử dụng; 01 quần đùi N chưa sử dụng; số tiền 780.000 đồng chưa thu hồi lại được. Anh Đ yêu cầu bồi thường tổng số tiền 3.940.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 468/VKS-HS ngày 17/11/2017 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố V, tỉnh N, truy tố Thái Doãn H Đ và Nguyễn Lê N về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1, Điều 138 BLHS 1999.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố V giữ nguyên cáo trạng truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 điều 138, điểm b,p khoản 1 điều 46, điều 69, điều 74, điều 51 BLHS 1999, xử phạt Thái Doãn H Đ từ 09 - 12 tháng tù. Tổng hợp hình phạt với 04 tháng tù tại bản án số 66/2017/HSST ngày 28/9/2017 và 07 tháng tù tại bản án số 67/2017/HSST ngày 28/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh N. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả 03 bản án từ 20 đến 23 tháng tù.

Áp dụng khoản 1 điều 138, điểm b,p khoản 1 điều 46, điều 69, điều 74, điều 60 BLHS 1999, xử phạt: Nguyễn Lê N từ 06 đến 09 tháng tù cho hưởng án treo, thử thách 12 - 18 tháng.

Về dân sự: Buộc bà Nguyễn Thị V (mẹ bị cáo H Đ), bà Nguyễn Thị H (mẹ bị cáo N), buộc bà Thái Thị Hà (mẹ Phạm Trọng Th) bồi thường cho người bị hại theo quy định của pháp luật.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Thái Doãn H Đ và N trình bày lời bào chữa: Thống nhất với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về tội danh, khung hình phạt và cũng đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo Thái Doãn H Đ mức án thấp hơn mức mà Viện kiểm sát đề nghị; bị cáo N được hưởng án treo và cho hưởng mức án thấp nhất mà Viện kiểm sát đề nghị.

Các bị cáo, người đại diện hợp pháp cho các bị cáo không có ý kiến gì tranh luận, mà chỉ xin HĐXX giảm nhẹ hình phạt.

NHÂN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Thái Doãn H Đ và Nguyễn Lê N khai nhận hành vi của mình, phù hợp với nội dung cáo trạng, lời khai người bị hại, vật chứng thu giữ và các chứng cứ, tài liệu điều tra khác. Đã có đủ căn cứ khẳng định: vào hồi 00 giờ 30 ngày 13/8/2017 tại ki ốt số 75 đường Bạch Liêu, thành phố V. Nguyễn Lê N, Thái Doãn H Đ đứng canh giới cho Phạm Trọng Th leo lên mái nhà, dùng dao thái lan cạy mái đột nhập vào ki ốt “Bom Kyo” của anh Trương Huy Đ lén lút lấy trộm tài sản. Tổng trị giá tài sản chiếm đoạt là 13.500.000 đồng. Hành vi đó của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1, Điều 138 Bộ luật hình sự 1999.

[2]. Vụ án thuộc loại ít nghiêm trọng, nhưng hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác, làm ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an trên địa bàn thành phố V nói riêng và an toàn xã hội nói chung. Các bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng do háms lợi bất chính, lười lao động và rèn luyện bản thân, muốn hưởng lợi trên công sức, thành quả của người khác và coi thường kỷ cương pháp luật của Nhà nước, nên bị cáo đã ngang nhiên phạm tội. Vì vậy, cần xử phạt nghiêm.

Vụ án có đồng phạm nhưng mang tính chất giản đơn. Tuy nhiên, cần phân hóa vai trò của các bị cáo để lên mức án phù hợp.

Đối với Thái Doãn H Đ là người rủ rê, lôi kéo N phạm tội. Bản thân bị cáo trước khi thực hiện hành vi này đã liên tiếp thực hiện nhiều hành vi phạm tội trước tại nhiều địa bàn khác nhau, đã có 02 nhân thân về tội “trộm cắp tài sản”, bị Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh N xét xử tại bản án số 66 và 67 ngày 28 tháng 9 năm 2017 (chưa thi hành). Vì vậy, Thái Doãn H Đ giữ vai trò chính trong vụ án và mức án của Thái Doãn H Đ phải cao hơn N là phù hợp. Mặt khác sau khi bị truy tố hồ sơ chuyển sang Tòa án thì bị cáo bỏ trốn gây khó khăn cho việc xét xử. Do đó, cần xử phạt nghiêm, việc cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian là cần thiết, nhằm răn đe giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho xã hội. Cần áp dụng Điều 51 BLHS, tổng hợp hình phạt của hai bản án số 66 và 67 ngày 28/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện Đ với bản án này để buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt của 3 bản án là phù hợp với quy định của pháp luật.

Đối với Nguyễn Lê N, sau khi được Thái Doãn H Đ và Th rủ rê, lôi kéo đáng lẽ ra bị cáo phải ngăn chặn bạn mình thực hiện hành vi, nhưng bị cáo lại đi ngược lại, tích cực tham gia. Việc đưa bị cáo ra xét xử là cần thiết.

Tuy nhiên, cũng cần xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, vì quá trình điều tra và tại phiên tòa khai báo thành khẩn, tỏ rõ ăn năn hối cải. Sau khi phạm tội đã ra đầu thú và giao nộp tài sản. Bản thân các bị cáo là người chưa thành niên phạm tội nên khả năng nhận thức còn hạn chế.

Nguyễn Lê N phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, nên chưa cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, mà cho cho bị cáo cải tạo tại địa phương, tạo cơ hội cho bị cáo sửa chữa sai lầm trở thành người công dân

có ích cho gia đình và xã hội như đề nghị của Luật sư bào chữa và đại diện Viện kiểm sát cũng đủ nghiêm.

Đối với Phạm Trọng Th là người trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội, tuy nhiên tại thời điểm phạm tội, Th chưa đủ 16 tuổi nên không phải chịu trách nhiệm hình sự. Cơ quan điều tra đã xử phạt vi phạm hành chính.

Về trách nhiệm dân sự: Cơ quan điều tra đã thu hồi được 01 laptop nhãn hiệu HP màu nâu xám; 13 chiếc quần bò N dài ống chưa sử dụng; 01 đôi dép lê N chưa sử dụng; 02 thắt lưng da N màu đen chưa sử dụng; 05 áo phông N chưa sử dụng; 01 quần đùi N chưa sử dụng; số tiền 920.000 đồng đã trả lại cho chủ sở hữu anh Trương Huy Đ.

Nay chưa thu hồi được 02 chiếc quần bò N dài ống chưa sử dụng; 04 đôi dép lê N chưa sử dụng; 05 áo phông N chưa sử dụng; 01 quần đùi N chưa sử dụng; số tiền 780.000 đồng chưa thu hồi lại được. Anh Trương Huy Đ yêu cầu bồi thường tổng số tiền 3.940.000 đồng. Xét yêu cầu của anh Đ là có căn cứ cần chấp nhận. Tuy nhiên bị cáo Thái Doãn H Đ , bị cáo N và Th chưa có nghề nghiệp và không có tài sản riêng để bồi thường, vì vậy cần buộc bà Nguyễn Thị V, bà Nguyễn Thị H và bà Thái Thị H bồi thường cho anh Trương Huy Đ theo kỷ phần như sau:

Thái Doãn H Đ được chia 02 chiếc quần bò N, 03 chiếc áo phông cộc tay N, 03 chiếc thắt lưng N, 01 đôi dép lê N và số tiền 110.000 đồng. Sau khi đầu thú bị cáo đã giao nộp 01 chiếc quần bò N, 01 đôi dép lê N, 01 chiếc thắt lưng N, và số tiền 110.000 đồng. (chưa giao nộp: 01 quần bò N có giá 280.000đ + 03 áo phông giá 600.000đ + 02 thắt lưng N giá 200.000đ. Tổng số tài sản hưởng lợi = 1.080.000đ), quá trình điều tra, bà Nguyễn Thị V (mẹ Đ) đã bồi thường cho anh Trương Huy Đ số tiền 700.000đ nay bà Vân còn phải bồi thường tiếp số tiền 380.000đ

Nguyễn Lê N được chia 02 chiếc quần bò N, 03 chiếc áo phông cộc tay N, 01 chiếc thắt lưng N, 01 chiếc mũ lưỡi trai, và số tiền 110.000 đồng. Sau khi đầu thú bị cáo đã giao nộp 01 chiếc quần bò N, 01 chiếc áo phông cộc tay N, 01 chiếc thắt lưng N và số tiền 110.000đ (chưa giao nộp: 01 quần bò N giá 280.000; 2 áo phông N giá 400.000; 01 mũ lưỡi trai giá 100.000. Tổng số tài sản hưởng lợi = 780.000đ). Buộc bà Nguyễn Thị H (mẹ bị cáo N) phải bồi thường cho anh Trương Huy Đ số tiền 780.000 đồng.

Th nộp: 11 quần bò N; 4 áo phông N; 01 quần đùi N; 01 máy vi tính xách tay hiệu HP; (Chưa giao nộp: 04 đôi dép lê N chưa sử dụng giá 800.000đ; 01 quần đùi N chưa sử dụng giá 100.000đ; và số tiền 1.480.000 đồng. Tổng số tài sản hưởng lợi: 2.380.000đ). Mặc dù về trách nhiệm hình sự Th không phải chịu nhưng về trách nhiệm dân sự buộc Phạm Trọng Th phải bồi thường nhưng do Th đang ở tuổi vị thành niên nên buộc bà Thái Thị Hà (mẹ Phạm Trọng Th) phải bồi thường cho anh Trương Huy Đ số tiền 2.380.000đ.

Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Bà Nguyễn Thị V, Nguyễn Thị H và Thái Thị H phải chịu án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Các bị cáo Thái Doãn H Đ, Nguyễn Lê N phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Áp dụng: khoản 1 Điều 138; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 69, Điều 74, điều 51 BLHS 1999.

Xử phạt: Thái Doãn H Đ 09 (Chín) tháng tù. Tổng hợp hình phạt 04 (bốn) tháng tù tại bản án số 66 ngày 28/9/2017 và hình phạt 07 (bảy) tháng tù tại bản án số 67 ngày 28/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh N. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả ba bản án là 20 (Hai mươi) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án

Áp dụng: khoản 1, Điều 138; điểm b, p khoản 1, Điều 46, Điều 69, Điều 74, điều 60 BLHS 1999.

Xử phạt: Nguyễn Lê N 06 tháng tù cho hưởng án treo, thử thách 12 tháng. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho UBND xã S, huyện Đ, tỉnh N giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách của án treo. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát giáo dục bị cáo.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Về dân sự: Áp dụng các Điều 586; 589 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 42 của Bộ luật hình sự;

Buộc bà Nguyễn Thị V phải bồi thường cho anh Trương Huy Đ số tiền 380.000đ (Ba trăm tám mươi ngàn đồng).

Buộc bà Nguyễn Thị H phải bồi thường cho anh Trương Huy Đ số tiền 780.000đ (Bảy trăm tám mươi ngàn đồng).

Buộc bà Thái Thị Hà phải bồi thường cho anh Trương Huy Đ số tiền 2.380.000đ (Hai triệu, ba tám tám mươi ngàn đồng).

Kể từ ngày anh Trương Huy Đ có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Nguyễn Thị V, Nguyễn Thị H và Thái Thị H không thi hành số tiền phải trả, thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, điều 7 và điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

- Về án phí: áp dụng Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị quyết 326/2017/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc các bị cáo Thái Doãn H Đ, Nguyễn Lê N mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Buộc bà Nguyễn Thị V, bà Nguyễn Thị H, bà Thái Thị H mỗi người phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Các bị cáo, người đại diện hợp pháp cho các bị cáo; Luật sư bào chữa cho các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và người đại diện hợp pháp

cho bị cáo có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người đại diện hợp pháp cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ./.

Nơi nhận:

- VKSNDTP V;
- Chi cục THADSTP V;
- Công an TP V;
- TAND tỉnh N;
- Sở Tư pháp N;
- Bị cáo; NBH, NLQ
- Lưu HS vụ án.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

